TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 853/2024/DS-ST
Ngày: 31-12-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Chi và ông Đặng Văn Tác

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thái Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:*** Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 689/2024/TLST-DS ngày 14/10/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 479/2024/QĐST-DS ngày 21/11/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 298/2024/QĐST-DS ngày 09/12/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: bà Hồ Thị Mỹ C, sinh năm 1987, nơi cư trú: tổ B, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang (có mặt).

2. *Bị đơn*:

2.1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1987 (yêu cầu vắng mặt)

2.2. Bà Trương Thị Thu O, sinh năm 1991 (vắng mặt). Cùng cư trú: tổ D, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hồ Thị Mỹ C trình bày: Do quen biết nên vào ngày 23/11/2022, bà C có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Trương Thị Thu O vay số tiền 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu*), lãi suất 5%/1tháng, bắt đầu đóng lãi ngày 23 tây hàng tháng, thoả thuận hạn trả 01 năm. Ông T, bà O có giao 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử đụng đất số CS05402 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp ngày 11/01/2021 đứng tên Nguyễn Văn T

để làm tin. Do không am hiểu pháp luật nên nhờ người khác đánh vi tính tờ giấy tiêu đề "Tờ cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/11/2022", chữ ký ghi họ tên Nguyễn Văn T, Trương Thị Thu O do ông T, bà O viết và ký tên. Sau khi nhận đủ số tiền 150.000.000 đồng, ông T, bà O chỉ đóng lãi được 01 tháng thì ngưng đến nay. Toàn bộ diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử đụng đất nói trên vẫn do vợ chồng T, O quản lý sử dụng, bà C không nhận đất canh tác. Nay xác định chỉ tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Trương Thị Thu O phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay 150.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi, sau khi thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền, bà sẽ trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên cho ông T, bà O.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông và bà Trương Thị Thu O là vợ chồng. Do cần tiền để trả tiền ngân hàng và làm ăn nên ngày 23/11/2022, vợ chồng ông có vay tiền của bà Hồ Thị Mỹ C số tiền 150.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 5%/1tháng, có giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sử đụng đất số CS05402 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp ngày 11/01/2021 cho bà C giữ. Do không hiểu pháp luật nên ghi tiêu đề "Tờ cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/11/2022" chứ không có cố đất cho bà C, đất hiện nay chị ruột đang mướn canh tác. Sau khi vay, trả lãi được một tháng thì ngưng đến nay. Thống nhất vợ chồng còn nợ bà C số tiền vay 150.000.000 đồng, do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần đến khi dứt nợ số tiền trên và xin không trả lãi, cũng không yêu cầu điều chỉnh 01 tháng lãi đã đóng. Yêu cầu được vắng mặt tại các lần Toà án mời hoà giải, phiên họp kiểm tra chứng cứ và vắng mặt khi xét xử.

Đối với bị đơn bà Trương Thị Thu O: Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân phát biểu ý kiến:

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn bà C, bị đơn ông T thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Qua đó, cho thấy bà O đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn T và bà Trương Thị Thu O phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hồ Thị Mỹ C số tiền vốn vay 150.000.000 đồng theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015. Ông T bà O phải cùng chịu án

phí án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu huỷ hợp đồng cầm cố đất, yêu cầu bị đơn trả số tiền 150.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều xác định là vay tài sản số tiền 150.000.000 đồng, chỉ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05402 để làm tin, không phải quan hệ cầm cố quyền sử dụng đất, nên xác định quan hệ tranh chấp là "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về thẩm quyền:* Bị đơn có nơi cư trú tại xã P, huyện P, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phú Tân theo điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Ông T có yêu cầu xét xử vắng mặt, bà O đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà O.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà C đòi ông T, bà O cùng liên đới trả số tiền vay 150.000.000 đồng với chứng cứ là "Tờ cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/11/2022", có chữ ký tên, ghi họ và tên của ông T, bà O. Ông T thừa nhận vợ chồng có vay của bà C số tiền 150.000.000 đồng, thoả thuận trả lãi mỗi tháng và có giao 01 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử đụng đất số CS05402 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp ngày 11/01/2021 cho bà C giữ, sau khi vay trả lãi 01 tháng thì ngưng, hiện nay còn nợ bà C số tiền 150.000.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ Luật tố tụng dân sự, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[2.2] Về trách nhiệm liên đới trả tiền cho nguyên đơn:

Ông T xác định vợ chồng có vay tiền của bà C, mục đích vay tiền để trả nợ ngân hàng và làm ăn, phục vụ chung cho cuộc sống vợ chồng đây là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Toà án đã triệu tập hợp lệ bà O để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải nhưng bà O không đến nên không ghi nhận được ý kiến. Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử buộc bà

Trương Thị Thu O phải có trách nhiệm liên đới cùng ông Nguyễn Văn T trả cho bà Hồ Thị Mỹ C số tiền vay 150.000.000 đồng.

[2.3] Về tiền lãi: Đây là hợp đồng vay có lãi và có thỏa thuận kỳ hạn trả nhưng bà C không yêu cầu tính lãi và ông T cũng không yêu cầu điều chỉnh 01 tháng lãi đã trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ông T bà O thực hiện xong nghĩa vụ trả số tiền 150.000.000 đồng thì bà Hồ Thị Mỹ C có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Văn T và bà Trương Thị Thu O 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05402 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp ngày 11/01/2021 đứng tên ông Nguyễn Văn T.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí 7.500.000 đồng (150.000.000 đồng x 5%) theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Mỹ C đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Trương Thị Thu O về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Trương Thị Thu O phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Hồ Thị Mỹ C số tiền vay 150.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Hồ Thị Mỹ C có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn T và bà Trương Thị Thu O 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05402 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp ngày 11/01/2021 đứng tên ông Nguyễn Văn T.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hồ Thị Mỹ C không phải chịu án phí và được hoàn lại số tiền 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn) tạm ứng án phí theo biên lai số 0011426 ngày 14/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Văn T và bà Trương Thị Thu O phải cùng chịu án phí 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Bà C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T và bà O vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhung